

Tiếp cận các *ngiên cứu lời kể, lịch sử qua lời kể* và *lịch sử cuộc đời* trong khảo sát về Nhân học biển tại vùng biển, đảo Nam Trung bộ và Nam bộ Việt Nam

Phan Thị Yến Tuyết

Tóm tắt—Bài này khảo sát một số cuộc thoại của ngư dân và cư dân vùng biển- đảo Nam Trung Bộ và Nam Bộ (Việt Nam) dưới góc độ nhân học biển. Các cuộc thoại được thể hiện thành những đoạn tường thuật, những lời kể qua các dòng hồi ức của cư dân địa phương từ việc tiếp cận 3 phương pháp: Nghiên cứu lời kể (narrative research), Lịch sử qua lời kể (oral history) và chủ yếu là Lịch sử cuộc đời (life history). Cả 3 phương pháp này đều có mối quan hệ với ngành nhân học, lịch sử, văn học, văn hóa dân gian... và đều có đặc điểm chung là phải áp dụng cách thức phỏng vấn, vì chỉ có phỏng vấn người nghiên cứu mới chủ động khiến đối tượng nghiên cứu hồi ức những vấn đề đã qua về cuộc sống, về cuộc đời của cá nhân họ hay của cả cộng đồng. Qua những câu chuyện kể còn thô, mộc thuộc về ký ức xa xưa, mờ nhạt cho đến cuộc sống hiện tại của cư dân vùng biển, người nghiên cứu “chấp vá”, kết gắn nó theo không gian và thời gian đúng nguyên mẫu của nó. Nếu không nhanh chóng “chắt lọc” những mẫu chuyện “dòng đời” thì những thông tin xưa cũ sẽ bị chôn vùi trong quên lãng, điều đó là những mất mát không gì bù đắp được. Song để làm cho những thông tin này được “chảy” theo “dòng chảy cuộc đời” trong khoa học, người nghiên cứu cần phải kiểm thông tin từ nhiều nguồn tài liệu, khảo sát, so sánh, phân tích dưới nhiều góc độ khoa học. Đây là thách thức không nhỏ cho người nghiên cứu, nhưng bù lại, thông tin thu thập được sau khi “làm sạch dữ liệu” sẽ có ý nghĩa không hề nhỏ về khía cạnh khoa học lẫn thực tiễn.

Từ khóa—nghiên cứu lời kể, lịch sử qua lời kể/ phỏng vấn hồi cố, lịch sử cuộc đời, nhân học biển, biển- đảo, Nam Trung Bộ, Nam Bộ Việt Nam .

Chúng tôi bắt đầu khảo sát đề tài này từ những cuộc phỏng vấn nhiều thành phần ngư dân và cư dân vùng biển- đảo ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ

Ngày nhận bản thảo: 22-5-2017; Ngày chấp nhận đăng: 11-10-2017; Ngày đăng: 31-12-2017

Phan Thị Yến Tuyết - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM (email:pytuyet@yahoo.com)

dưới góc độ *nhân học biển (maritime anthropology)*, đó chính là khảo sát về hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của các cộng đồng ngư dân và cư dân ven biển, về vấn đề con người thích nghi với môi trường sinh thái biển... [1]. Đặc biệt chúng tôi muốn tìm hiểu những giai đoạn trong cuộc đời của ngư dân và cư dân ven biển qua hồi ức về quá khứ cũng như cuộc sống thời hiện tại qua những lời kể của họ. Chọn địa bàn này vì chúng tôi nghĩ rằng văn hóa biển mang tính tương đồng dọc theo chiều dài của vùng duyên hải từ miền Trung vào đến Nam Bộ. Tất cả thông tin phỏng vấn sau khi loại trừ câu hỏi đều được xếp trong các *hộp (box)*, đều là các biên bản phỏng vấn của chúng tôi và đồng nghiệp thu thập tại hai địa bàn khảo sát nêu trên. Nội dung các *hộp* có thể xem như những minh họa cho các phương pháp nghiên cứu mà chúng tôi vận dụng, như *ngiên cứu lời kể (narrative research)*, *lịch sử qua lời kể* hay còn gọi là *phỏng vấn hồi cố (oral history)* và *lịch sử cuộc đời (life history)*. Đây là các phương pháp nghiên cứu được thực hiện dưới dạng phỏng vấn để các cá nhân hay cộng đồng hồi ức về cuộc đời hay một quãng đời của họ trong hiện tại hoặc ước vọng về tương lai [4]. Cả 3 phương pháp đều có thể vận dụng trong các ngành nhân học, văn học, lịch sử, văn hóa dân gian, xã hội học, ngôn ngữ học xã hội, giáo dục học, tâm lý học... Đó là các nỗ lực tiếp cận *ngiên cứu liên ngành (interdisciplinary research)*. Một số lĩnh vực áp dụng trong 3 phương pháp này như nghiên cứu tiểu sử cá nhân (biographical study), tự truyện (autobiography), hồi ký (memoir)... Nhìn chung trong cả 3 phương pháp này người nghiên cứu đều phải *phỏng vấn*, vì chỉ có phỏng vấn người nghiên cứu mới chủ động hướng đối tượng nghiên cứu hồi ức những vấn đề đã qua về cuộc sống, về cuộc đời hiện tại của cá nhân họ hay của một nhóm cộng đồng mà nhà nghiên cứu quan tâm.

Từng có ý kiến cho rằng *narrative research*, *oral history* và *life history* không phải là phương pháp phỏng vấn mà chỉ gợi ý cho đối tượng nghiên cứu “kể”. Tuy nhiên thực chất cả 3 phương pháp này đều vận dụng kỹ năng phỏng vấn sâu (in-depth interview), vì chỉ có phỏng vấn mới gợi mở những vấn đề cho đối tượng nghiên cứu tường thuật, kể lại về đời sống của họ cho người nghiên cứu, và chỉ có người nghiên cứu mới nêu ra, mới hỏi những vấn đề gì mà mình thực sự quan tâm và cần nghe.

1 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LỜI KỂ (NARRATIVE RESEARCH)

Phương pháp này được John W. Creswell đề cập trong giáo trình về nghiên cứu định tính¹ của ông, dùng để phân tích dữ liệu trong ngành nhân học và xã hội học, trong đó chủ yếu *tập trung đặc biệt vào các câu chuyện được cá nhân kể lại* (Polkinghorne, 1995) [5]. Chúng tôi hình dung có hai trường hợp khảo sát:

- Trường hợp 1: Các câu chuyện kể chỉ do một người hay một nhóm cộng đồng cư dân trong khuôn khổ một vùng địa lý nhất định để rút ra được những nhận định khoa học, xác định phạm vi không gian nghiên cứu, *như trong bài này là địa bàn duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ*.

- Trường hợp 2: Các câu chuyện kể chỉ do một người hay một nhóm cộng đồng cư dân nhưng phải cùng một vấn đề nghiên cứu, *như bài này đối tượng nghiên cứu là đời sống của ngư dân người Việt, khảo sát trong khoảng thời gian 2010-2016*.

Việc chọn lựa đối tượng nghiên cứu là một cá nhân, một dân tộc, hoặc một nhóm cộng đồng chuyên biệt mà một trong những nguồn thông tin cần có được là những *hồi ức*. [4]. Các hồi ức về thời gian đã khá lâu, còn không gian có thể hiện nay người kể không còn sinh sống, nhưng từng là nơi trong quá khứ đã xảy ra các câu chuyện mà người ấy còn nhớ hay đã từng biết và kể lại. Những thông tin hồi ức này có thể được xem là nguồn tài liệu điền dã của ngành dân tộc học/ nhân học... [5] Để có những câu chuyện phỏng vấn qua lời kể (narrative research), người nghiên cứu thường đặt câu hỏi như một cuộc phỏng vấn sâu dân tộc học để có được những thông tin phù hợp, phục vụ cho nội dung nghiên cứu của mình. Hơn nữa, thông tin viên

không thể tự mình cung cấp mọi thông tin nếu không được người nghiên cứu hỏi hay gợi ý. Ví dụ trích đoạn của một cuộc phỏng vấn dưới đây:

[Người nghiên cứu hỏi (H), thông tin viên trả lời (TL)]

H: *Xưa kia cũng như hiện nay trước khi đi ra biển đánh cá nhà mình có làm nghi thức cúng kiếng gì không cháu?*

TL: *Trước khi đi đánh bắt ngoài biển xa, đàn ông đi một mình vào rừng hái đúng 12 loại lá có gai, gai nhọn để trừ tà ma, vì ma quỷ sợ gai móc xước.*

H: *Bắt buộc phải lá gai sao? Không hái lá gai có sao không?*

TL: *“Để vô ghe phải hái lá gai” cô à.*

H: *Phải hái đúng 12 loại sao?*

TL: *Gồm đúng 12 loại.*

H: *Nữ đi hái có được không?*

TL: *Gồm đúng 12 loại mà bất kỳ người nào, kể cả phụ nữ như bọn cháu ở đây dù không được đi vào rừng hái lá vẫn thuộc lòng tên 12 loại lá.*

H: *Sao cháu thuộc tên mấy loại lá đó được hay vậy?*

TL: *Bởi vì ngay từ nhỏ cháu đã thấy mọi người đàn ông ở làng chài này ai đi biển cũng đều hái đủ 12 loại lá gai.*

H: *Thế cháu có nhớ tên tất cả lá gai đó chứ, kể cho cô ghi hén.*

TL: *Cháu nhớ hết tên các loại lá chứ cô, đó là lá mắc cỡ, lá lưỡi hùm, lá dứa gai, lá thùa lùa, lá gai bóm, lá mắt mèo, lá gai táo, lá gai gang, lá đa đa, lá gai quýt, lá gai tre, lá gai sừng.*

H: *Rồi mình còn làm gì nữa không?*

TL: *Chồng cháu trước khi đi biển còn ra vườn nhà hái thêm một số loại lá không gai như trà, sả, lá môn, lá dâu tằm ăn, lá tràm...*

H: *Để làm gì vậy cháu?*

TL: *Đem tất cả các loại lá có gai và không gai đó bỏ vào nồi nấu lấy nước rồi đem nước đó gội cho mình lười được sạch sẽ, cho không còn ô uế, xui xẻo, xua tà ma để đi biển bình an và đánh được nhiều tôm cá, hoặc người ta còn tưới nước đó lên ghe tàu đi biển. Còn chồng cháu là ngư phủ thì lấy nước đó tắm gội hoặc xông hơi tượng trưng lên mình, nhất là ông chủ ghe hay thuyền trưởng sắp đi biển là rất cần tẩy uế lá gai này đó cô. (TTV: N.C.S, 45 tuổi, thôn Lộ Diêu, xã Hòa Hải, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, 2016)*

Từ bản phỏng vấn trên, người nghiên cứu có thể loại hết những câu hỏi để chỉ còn lại lời kể, lời

¹ Ngoài nghiên cứu lời kể (narrative research), trong công trình Qualitative Inquiry & Research Design: Choosing among five approaches của John W. Creswell còn đề cập đến 4 phương pháp tiếp cận khác, liên quan với nhau, đó là nghiên cứu hiện tượng học (phenomenological research), nghiên cứu dựa trên nền tảng dữ liệu (grounded theory research), nghiên cứu điền dã dân tộc học (ethnographic research) và nghiên cứu trường hợp (case study research).

tường thuật, như một dòng hồi ức về một giai đoạn của đời sống:

Trước khi đi đánh bắt ngoài biển xa, đàn ông đi một mình vào rừng hái đúng 12 loại lá có gai, gai nhọn để trừ tà ma, vì ma quỷ sợ gai móc xước. “Để vô ghe phải hái lá gai”, gồm đúng 12 loại mà bất kỳ người nào, kể cả phụ nữ như bọn cháu ở đây dù không được đi vào rừng hái lá vẫn thuộc lòng tên 12 loại lá, bởi vì ngay từ nhỏ cháu đã thấy mọi người đàn ông ở làng chài này ai đi biển cũng đều hái đủ 12 loại lá gai. Cháu nhớ hết tên các loại lá, đó là lá mắc cỡ, lá lưỡi hùm, lá dứa gai, lá thùa lùa, lá gai bóm, lá mắt mèo, lá gai táo, lá gai gang, lá đa đa, lá gai quýt, lá gai tre, lá gai sừng. Chồng cháu trước khi đi biển còn ra vườn nhà hái thêm một số loại lá không gai như trầu, sả, lá môn, lá dâu tằm ăn, lá tràm. Đem tất cả các loại lá có gai và không gai đó bỏ vào nồi nấu lấy nước rồi đem nước đó gội cho mảnh lưới được sạch sẽ, cho không còn ô uế, xui xẻo, xua tà ma để đi biển bình an và đánh được nhiều tôm cá. Hoặc người ta còn tưới nước đó lên ghe tàu đi biển. Còn chồng cháu là ngư phủ thì lấy nước đó tắm gội hoặc xông hơi tượng trưng lên mình, nhất là ông chủ ghe hay thuyền trưởng sắp đi biển là rất cần tẩy uế lá gai này đó có. (TTV: NCS, 45 tuổi, thôn Lộ Diêu, xã Hòa Hải, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, 2016).

2 PHƯƠNG PHÁP PHÒNG VẤN LỊCH SỬ QUA LỜI KỂ (ORAL HISTORY)

Theo Mary Byrne McDonnell (ASSC)², vận dụng phỏng vấn *oral history* cần nắm vững những sự kiện đã qua có liên quan đến vấn đề mình nghiên cứu để gọi cho người được phỏng vấn hồi ức cũng như kiểm tra lại thông tin mà họ cung cấp. Phương pháp *oral history* đặc biệt quan trọng và phù hợp đối với việc nghiên cứu của ngành nhân học và lịch sử khi nghiên cứu những vấn đề liên quan đến đời sống của *những người trong cuộc* có mối quan hệ

với lịch sử đương thời và với không gian xã hội mà họ đã sống, đã trải qua.³[9]

Trong ký ức của “người đương thời”, những thông tin được họ hồi ức rất quý, rất đáng trân trọng. Các thông tin ấy có thể giúp người nghiên cứu “xâu kết”, lần tìm về những ngày tháng đã trôi qua mà nếu không gợi lại và lưu giữ về những mảnh đời của họ thì những ký ức ấy sẽ biến mất mãi mãi. Ví dụ sự giải thích về di tích miếu Trung thần trên đảo Hòn Nần ở Phú Yên, hoặc Lăng Ông và Lăng Bà ở xã Xuân Cảnh TX Sông Cầu, Phú Yên:

Đó, Hòn Nần ở đây nhìn thấy được đó, nó hình con cua. Sờ dĩ kêu là Hòn Nần vì Nguyễn Ánh chạy ra tới đây hết lương thực, dậm chân xin Trời, Trời cho củ năn⁴ để ăn, nhờ vậy mà sống được. Theo ông bà tôi kể lại thì xưa còn có Hòn Đen và Hòn Than. Ngoài ra còn có Cồn Nhạn, thời xưa Nguyễn Ánh ra đây xúc cá com ăn, cá com ở đây rất nhiều. Trên Hòn Nần có miếu Trung thần, thờ tự các tôi trung của vua Gia Long thời ông chưa lên ngôi, tức Nguyễn Ánh. Trong miếu đó tổng cộng có 12 ban thờ, gồm có nhà thờ chính giữa, phía Tây là nhà bếp, phía Đông là nhà quan, đền thờ, chùa gia. Thông thường thời đó người dân phải đi lui chứ không dám đi quay lưng để tỏ sự cung kính. Trong miếu Trung thần thờ cúng những người chết trong trận đánh với Tây Sơn, những trận này rất nhiều người chết, nghe nói vậy. Họ được chôn cất quanh đó, Chiêm tộc cũng được an táng ở đó. Thời kháng chiến chống Pháp chiến tranh làm nơi này hoang tàn. Tôi là hậu duệ của dòng họ giữ miếu Trung thần. Trước năm 1945 người ta vận chuyển lương thực đi bằng đường đèo hay còn gọi là con đường kỷ niệm bãi ghe. Còn Lăng Ông và Lăng Bà trong làng này thì Lăng Ông Hòa Lợi có từ đời vua Minh Mạng, thờ Ông Nam Hải, giúp tàu thuyền đi lại trên biển bình an, về sau vua

³ Vấn đề quan trọng nhất là đạo đức của người nghiên cứu. Không tạo nên ảnh hưởng tiêu cực đến cá nhân hay cộng đồng mình nghiên cứu. Tuyệt đối cần giữ bí mật của thông tin nhưng vẫn đảm bảo tính khách quan, trung thực của thông tin. Tuyệt đối giữ bí mật không công bố những thông tin xét thấy sẽ gây hại, phiền phức, thậm chí làm tổn thương, đổ vỡ cho những người trong cuộc, những người liên quan, những người thuộc thể hệ thứ hai, thứ ba...

⁴ Củ năn thường mọc hoang ở vùng rừng núi hoang sơ, củ này có thể dùng như lương thực, nhưng nếu không biết cách chế biến, không rửa và luộc nhiều lần cho bớt độc tố thì ăn vào sẽ bị say, sùi bọt mép, hôn mê. Tuy nhiên củ năn không làm chết người mà chỉ gây hôn mê khoảng vài giờ, sau đó tỉnh dậy và bình thường trở lại (PTYT)

² Theo GS. Mary B. McDonnell, một trong những phương pháp bà đã vận dụng khi nghiên cứu tín đồ Islam tại Malaysia đi hành hương Thánh địa Mecca trong luận án tiến sĩ của bà là *phương pháp phỏng vấn qua lời kể* (Oral history). *Using Oral history interview* (Bài giảng của khóa học về Phương pháp nghiên cứu trong Khoa học xã hội, năm 1996 tại Viện Khoa học xã hội, TP.HCM).

Đông Khánh sắc phong “Thần hoàng Bôn cảnh” thêm cho Lăng Ông thành như cái đình. Còn Lăng Bà do Tự Đức đời thứ năm sắc phong, xưa kia thờ Bà Chúa Xứ tức Bà thiên Y A Na, có ban thờ Cậu Trài cậu Quý. Do thời chiến tranh phải tiêu thổ kháng chiến, Lăng Bà không còn hoạt động, chuyển hết các ban thờ của Lăng Bà qua Lăng Ông nên hiện nay Lăng Ông có rất nhiều ban thờ, hầu hết những tượng thờ ở đây đều bằng đất nung làm từ thế kỷ XIX. Ngày mồng 2 tháng 3 âm lịch ngư dân Hòa Lợi làm lễ Cầu ngư, ngày mồng 3 tháng 3 tế ông Nam Hải, có hát Lăng. Ngày 17 tháng 8 giỗ Bà để cầu an, có tống ôn bằng tàu ra biển, tống đi hết những điều xui, rui. Tất cả ghe tàu của ngư dân chạy ra cửa biển tế lễ cho ghe sạch sẽ rồi quay về, có múa hát bả trạo... (TTV: Ô. PBH (Ô. Mười L), 82 tuổi, xã Xuân Cảnh, TX Sông Cầu, Phú Yên, 2016)

Trong phương pháp phỏng vấn lịch sử theo lời kể người nghiên cứu cần chất lọc, đối chiếu lời kể qua tài liệu sử học để thông tin mang tính khoa học.

3 PHƯƠNG PHÁP LỊCH SỬ CUỘC ĐỜI (LIFE HISTORY)

Đây cũng là một phương pháp thuộc nghiên cứu định tính. Thông tin về *lịch sử cuộc đời* của cá nhân thường được thu thập qua rất nhiều cuộc phỏng vấn. Phỏng vấn *lịch sử cuộc đời* là câu chuyện cuộc đời nói cho một người khác ghi lại. Khi làm việc với những người tham gia để thu thập lịch sử cuộc đời của họ, các nhà nghiên cứu tìm hiểu mối liên hệ giữa các khía cạnh khác nhau của cuộc sống (Goodson và Sikes, 2001) [6]. Phương pháp *lịch sử cuộc đời* (life history) ở Mỹ trước tiên từng được sử dụng để phỏng vấn tội phạm và phụ nữ mại dâm ở Chicago. Các đối tượng được yêu cầu nói về cuộc sống của họ, người phỏng vấn còn tìm hiểu hồ sơ của cảnh sát trong vùng thông tin viên sinh sống tại Chicago. Ngoài ra, phương pháp *lịch sử cuộc đời* còn được sử dụng khi phỏng vấn người dân bản địa Mỹ, đối tượng là các nhà lãnh đạo. Phương pháp này hiện nay thường sử dụng trong nhân học, cụ thể hơn là nhân học sức khỏe. “Nghiên cứu này cung cấp một thay thế cho phương pháp thực nghiệm để xác định về mô hình tài liệu sức khỏe của các cá nhân và các nhóm” [6].

Lịch sử cuộc đời cho phép các nhà nghiên cứu khám phá *lịch sử cá nhân*, trải nghiệm của con người trong thời gian như là một khuôn khổ thông tin vòng đời của họ, cung cấp cho các nhà nghiên cứu hiểu được thái độ và hành vi hiện tại của một cá

nhân. Mục đích của buổi phỏng vấn như là để “chụp” một bức tranh sống động về một người và cuộc sống của họ. “*Lịch sử cuộc đời*” là phương pháp ngày càng trở nên phổ biến trong xã hội học, được tái hiện vào năm 1970, chủ yếu thông qua những nỗ lực của Daniel Bertaux và Paul Thompson là những nhà khoa học bắt đầu làm nghiên cứu *lịch sử cuộc đời* trong các ngành nghề như ngư dân trong nghề cá” [6]. Vì sao người ta tiếp cận *lịch sử cuộc đời*? Phỏng vấn *lịch sử cuộc đời* có thể làm sâu sắc thêm sự hiểu biết về cách những người được nghiên cứu vượt qua rào cản, những hoàn cảnh khó khăn, thách thức, hiểu làm thế nào họ giữ được bản sắc của mình (Nguồn: Gorard, 2006; Reay, 2001; Archer và Hutchings, 2000)⁵. Tài liệu về các câu chuyện *lịch sử cuộc đời* được thực hiện bởi các nhà nghiên cứu, đặc biệt nhờ các công cụ phần mềm phân tích như ATLAS.ti⁶ giúp họ phân loại và phân tích dữ liệu thu thập được hoặc truy cập tài liệu trong kho lưu trữ.[6]

Nguyễn Đức Lộc trong *Giáo trình Phương pháp thu thập và xử lý thông tin định tính* cho rằng cần sử dụng công cụ *Đường thời gian (timeline)*⁷ trong nghiên cứu *lịch sử cuộc đời* [8, tr. 45]. Trong bước xác định thông tin cần thu thập, Nguyễn Đức Lộc cho rằng: “Những thời điểm mà người cung cấp thông tin coi là quan trọng trong quá khứ của họ (cả hạnh phúc lẫn buồn lo) và lý do vì sao người cung cấp thông tin lại ghi nhớ những thời điểm đó” [8, tr. 45]. Việc tiến hành phỏng vấn theo một trình tự, trong đó có nhiều cách dùng để vẽ *đường thời gian*, ví dụ người nghiên cứu vẽ hoặc để thông tin viên tự vẽ một đường thẳng, trên đó chia ra những cột mốc và hình vẽ tượng trưng tương ứng với tuổi của thông tin viên, chủ yếu về quá khứ, hiện tại và tương lai. “Về quá khứ, thông tin viên hồi ức những sự kiện đáng ghi nhớ và đặc biệt vào lứa tuổi cụ thể, ví dụ những sự kiện nào thực sự buồn hay khó khăn đã xảy ra trong quá khứ? Điều gì đã làm cho sự kiện

⁵ Workshop on Life History Interviews with Students (University of Dar es Salaam, Tanzania, February 2007)(Locating life histories within the research methodology. Widening participation in higher education in Ghana and Tanzania)

⁶ ATLAS.ti là một trong những công cụ để nghiên cứu định tính, là công cụ đa phương tiện hiệu suất cao, mã hóa cho nhiều loại dữ liệu.

⁷ Theo chú thích của Nguyễn Đức Lộc, *đường thời gian (timeline)* được sử dụng chính trong hợp phần định tính của dự án nghiên cứu “*Những cuộc đời trẻ thơ*” của Đại học Vương quốc Anh, mà tác giả là người tham gia [8, tr. 45], do đó chúng tôi nghĩ tác giả có những trải nghiệm thực tế cụ thể về phương pháp nghiên cứu này.

đó buồn và thách thức? Ai, điều gì đã giúp thông tin viên vượt qua sự kiện buồn hay thách thức ấy? Giúp như thế nào? Còn trong hiện tại thông tin viên có điều gì vui/buồn/ khó khăn?... Đối với tương lai trong vòng 5 năm tới họ mong muốn mình sẽ làm gì? Tại sao?” [8, tr. 46-49]. Cách thức tiến hành khảo sát như thế này người nghiên cứu sẽ có được những thông tin liên tục về cả cuộc đời của thông tin viên.

Lương Văn Hy cho rằng lịch sử cuộc đời (life history) là một “phương pháp cấu trúc hóa rất thấp và đơn vị cá thể”, “vì mục đích cơ bản của nhân học là để giải thích hành vi của con người và kết quả của những hành vi này ở những không gian và thời gian khác nhau nên phương pháp *lịch sử cuộc đời* cho chúng ta một cái nhìn rất chi tiết về hành vi và tiến trình đưa đến hành vi ở một cá nhân cụ thể, ở một thời điểm lịch sử và không gian văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị cụ thể. Tiềm năng của phương pháp *lịch sử cuộc đời* cho chúng ta cái nhìn về một thời điểm có thể ít có tư liệu, nhất là ở những dân tộc, những cộng đồng, nhóm người tương đối ít được nghiên cứu.” [7].

Phương pháp tiếp cận và quan điểm lý thuyết của nghiên cứu *lịch sử cuộc đời* là nhà nghiên cứu tập trung vào câu chuyện, cách kể chuyện và ngôn ngữ, tập trung vào sự diễn giải, nhận thức của đối tượng nghiên cứu về sự thật và thực tế của họ và tập trung vào các mối quan hệ xã hội của họ [10]. Nhà nghiên cứu khai thác các trải nghiệm của thông tin viên về cuộc sống của họ, nhờ đó hiểu được cuộc đời và sự kết nối của họ với các thành viên khác trong gia đình, trong cộng đồng, trong *mạng lưới xã hội* (social network) của họ. Ví dụ *mạng lưới xã hội* của những vạn lạch nghề cá ở Phú Yên:

Ở Phú Yên này cũng như tại nhiều nơi ở miền Trung các làng biển đánh cá từ xưa tới giờ đều là lạch. Mỗi lạch có lạch trưởng, 2 lạch phó, thư ký và các thành viên khác gồm 10 người. Đa số làng nào ở biển thì cũng tổ chức thành các lạch như vậy. Cái từ lạch này để chỉ về sông, biển, là một đơn vị biển, nằm trong cái tổ chức tín ngưỡng liên quan đến biển. Lạch An Chấn của chúng tôi thành lập năm 1808. Trong lạch có 2 thôn là Mỹ Quang Bắc và Mỹ Quang Nam với khoảng 1.500 hộ ngư dân. Trong cái Làng Ông mà cô với các bạn đang ngồi với tôi đây là Làng Ông Mỹ Quang, trong làng này có thờ cá Bà. Bà Nam Hải dạt vào khu biển này vào ngày 1-12-2015. Bà dài 6,5m, nặng 1,5 tấn. Lúc Bà lụy vào thì chưa xác định

được danh tính, thầy cúng đã van vái xin Bà có linh thiêng thì cho biết danh tính để dễ dàng cúng bái. Sau khi cúng bái, khoảng 3 tiếng sau có một người đàn bà lạ chưa từng thấy nào giờ đột nhiên vô lảng nhảy múa và xưng là Bà Nam Hải. Bà Nam Hải trước khi lụy đã quần quanh vùng biển này cả tháng trước, ngày nào chúng tôi cũng thấy Bà bơi vòng vòng quanh khu biển. Khi đó làng nào cũng cấm cờ đánh trống để vái Bà dạt vô chỗ biển của mình, duy chỉ có làng này chúng tôi không đánh trống, ngày nào cũng lạng lẽ nhìn Bà, lo lắng cho Bà thì lại được Bà dạt vô. Người phát hiện Bà đầu tiên là Nguyễn Bình, một ngư dân trong làng, người này đã để tang bà trong 3 tháng 10 ngày. Biết là Bà Nam Hải, giới tính của Bà là nữ là quan trọng. Nói cô biết khi Bà lụy, chúng tôi phụ nhau ôm đỡ bề mặt dưới của Bà để đưa Bà vào thì cảm thấy phần da mềm lũng nhũng như da phụ nữ chứ không phải nam vì Ông thì da cứng, thảng. (TTV: Ô. N H, 71 tuổi, xã An Chấn, huyện Tuy An, Phú Yên, 2016)

Khi “thu thập” *lịch sử cuộc đời* thường thể hiện dưới sự *tường thuật*, vì *tường thuật* góp phần phản ánh chính xác các sự kiện của cuộc sống. Mục đích của cuộc phỏng vấn là để thông tin viên kể *câu chuyện/ lịch sử cuộc đời của họ*. Người nghiên cứu cần chọn mẫu khảo sát mang tính đại diện, có độ tin cậy cao, phù hợp theo vấn đề mình nghiên cứu (bao gồm nguồn gốc xã hội, kinh tế, giới tính, tuổi tác, dân tộc, tôn giáo...) thì kết quả khảo sát mới có giá trị. Sau đó người nghiên cứu sẽ phân tích các câu chuyện kể của đối tượng nghiên cứu, “*gây dựng lại các câu chuyện*” (restory), vào trong một tip khuôn khổ chung để lý giải (vd: thời kỳ, địa điểm, cốt truyện, khung cảnh...) rồi *viết lại theo một chuỗi thứ tự thời gian* (vì cá nhân kể ít khi theo thứ tự thời gian mà tùy thuộc dòng hồi ức tuôn chảy của họ), theo một cấu trúc mới được tái tạo từ *nguyên mẫu* (vốn là một hay các cuộc phỏng vấn). Cách thức này có lợi thế là chất lọc được thông tin” [10]. Trong trường hợp này lời kể là sự *tường thuật*, được xem như là một tài liệu bằng văn bản, nội dung lời nói được sắp xếp *theo thứ tự thời gian* hoặc theo *các giai đoạn của đời sống* (life course stages) [5] để thành một câu chuyện về *lịch sử cuộc đời*:

Tôi bắt đầu đi biển từ năm 22 tuổi, đến 44 - 45 tuổi mới có chiếc ghe nhỏ mần biển cạn, ghe đầu tiên là ghe buồm, làm nghề biển ở gần, đầu có đi xa được, sáng đi chiều về. Sau này

người cháu con bà chị tôi thấy tôi vậy mới mua giùm cho tôi cái máy Ấn Độ. Sau tôi làm ăn khá tôi bán cái máy đó mua cái trọng hơn, đến nay mua được 10 cái máy. Ghe đi chỉ có 4 - 5 bạn, thời đó không có nhiều. Giờ ghe của tôi có tất cả khoảng 80 người (9 chiếc: 1 nhóm 3 chiếc : 1 chiếc ghe lưới đi kèm với 2 chiếc ghe chong). Ghe do nhà đóng. Vay ngân hàng, 2 tháng nay làm không được khá, không dư vì bão đang động không đánh được. Từ 16 năm nay tôi không còn xuống ghe. Ghe lúc đầu chạy lung tung, đánh cá thì nằm lại. Nhìn trời nhìn đất, lúc đó tôi đi cả đêm lẫn ngày. Ban đêm coi mây, coi sao, sao chớp, nháy là biết thay đổi gió. Có thể biết được ngày mai biển động vì nhìn nước chày, nó đang trong mà thấy nước đục, chỗ trong chỗ đục là biển động. Nhìn mây có hình vẩy cá, trắng quảng xanh thì thổi, quảng đỏ là hạn. Hồi xưa ít có bão, lâu lâu mới có bão, bây giờ người ta có máy, giống người ta cũng bảo là bão. Hồi trước, giông mà gãy cây cũng chỉ là giông thổi. Nếu là bão phải đủ 4 hướng: bão Bắc, bão Nam, bão chướng, bão nồm). Lúc đi biển gặp giông, bão nguy hiểm thì vái Bà- Cậu thôi chứ không vái gì. Trước khi ra biển có vái. Ghe tôi đi cứ 3 tháng phải cúng, cúng lớn, cúng heo, còn tháng thường thì cúng gà, vịt. Ở trên ghe thì thờ Bà-Cậu, ở biển là thờ Bà hết, hay thờ ông Nam Hải. Trên biển mà gặp nguy hiểm là kêu Ông cứu, tôi đã từng kêu Ông cứu, Ông đã cứu nhiều người. Tôi chỉ vái thôi chứ chưa đến độ chìm ghe. Còn nếu mà Ông độ thì mình mê không biết gì hết. (TTV: Ông Chín B, 95 tuổi. Bến Tre, 2010)

Trong các cuộc phỏng vấn *life history* mà Han Kirstine Adrianse⁸ vận dụng để thu thập được dữ liệu chuyên sâu về câu chuyện cuộc đời mà tác giả gọi là một dòng thời gian hoặc dòng chảy đời sống. Nghiên cứu *lich sử cuộc đời* đặc biệt trong nhân học là phỏng vấn câu chuyện cuộc đời để tìm hiểu con người và cuộc sống của họ (Nguồn: Goodson và Sikes, 2001, tr. 1-3) [3]. Nghiên cứu *lich sử cuộc*

đời liên kết với sử học nhằm khám phá các nền văn hóa và lịch sử thông qua những kỷ niệm và hồi ức của người dân (Nguồn: Cross và Barker, 1994). [3]. Tất nhiên các cuộc phỏng vấn *lich sử cuộc đời* đều có những điểm mạnh và hạn chế, do đó, người nghiên cứu có thể bổ sung thêm các công cụ và các phương pháp nghiên cứu khác. Theo Han Kirstine Adrianse, cần phân biệt giữa *câu chuyện cuộc đời (life story)* và *lich sử cuộc đời (life history)*: Một *câu chuyện cuộc đời* chỉ liên quan đến sự hiểu biết về đời sống của một người, những câu chuyện họ kể về đời sống của họ. Còn trong nghiên cứu *lich sử cuộc đời* là để hiểu làm thế nào các mô hình về câu chuyện những cuộc đời khác nhau có thể liên quan đến bối cảnh lịch sử, xã hội và chính trị rộng lớn hơn trong cuộc sống của họ (Nguồn: Cross và Barker, 1994) [3].

Phạm Văn Quang trong công trình *Xã hội học thi pháp- Dòng chảy cuộc đời* [10] gọi phương pháp *life history* là *dòng chảy cuộc đời* (les récits de vie), cho rằng “qua nội dung phỏng vấn có thể nhận biết những diễn biến tâm lý nhân vật. Người kể, bằng cách này hay cách khác, cho thấy sự biến đổi tâm lý, trong đó căn cước cá nhân đối diện với những sự kiện của gia đình, cộng đồng và xã hội” [10, tr. 232-133]. Phương pháp *lich sử cuộc đời* còn thể hiện cái nhìn đa chiều vào sự thay đổi của các vấn đề xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa... Ví dụ trong Hộp 5, thông tin viên cho rằng “*Hồi xưa ít có bão, lâu lâu mới có bão, bây giờ người ta có máy, giông người ta cũng bảo là bão. Hồi trước, giông mà gãy cây cũng chỉ là giông thổi. Nếu là bão phải đủ 4 hướng: bão Bắc, bão Nam, bão chướng, bão nồm*” (TTV: Ông Chín B, 95 tuổi. Bến Tre, 2010)

Theo Phạm Văn Quang, “trong lịch sử nghiên cứu nhân học Pháp về *dòng chảy cuộc đời*, nữ giáo sư nổi tiếng người Pháp Francoise Morin đã công bố bài nghiên cứu *Những thực hành nhân học và truyện kể cuộc đời* trên Tạp san quốc tế về xã hội học vào năm 1980. *Dòng chảy cuộc đời* có thể cho phép phổ biến những dữ liệu nhân học, cung cấp cho người nghiên cứu những thông tin thuộc về quá khứ của một cộng đồng cư dân tại một vùng đất cụ thể” [10, tr. 69].

Người nghiên cứu có thể chọn một hoặc một số cá nhân có thể kể lại các câu chuyện hoặc các trải nghiệm của họ trong cuộc sống và người nghiên cứu thu thập các câu chuyện của họ thông qua nhiều tip thông tin [10]. Ví dụ chúng tôi thu thập được những thông tin về hệ thống các đảo ở đảo Bình Ba, Khánh Hòa mà ngày nay người ta biết được là do một thông tin viên lớn tuổi hồi ức. Nếu

⁸ Hanne Kirstine Adriansen, PGS Sử Học, Đại học Aarhus, Copenhagen, Demark), *Các cuộc phỏng vấn của vòng đời- về việc sử dụng một dòng thời gian*. Han Kirstine Adriansen vận dụng phương pháp *Lịch sử đời sống (Life history)* khi viết luận án tiến sĩ, đề tài về tính di động du cư ở Senegal. Tác giả đã thực hiện các cuộc phỏng vấn (kể cả phỏng vấn trực tuyến), phỏng vấn có cấu trúc, bảng hỏi... các chủ hộ gia đình du mục. Thách thức lớn của tác giả là không tìm thấy bất kỳ tài liệu tham khảo nào để làm các cuộc phỏng vấn câu chuyện cuộc sống vào năm 2010. (Nguồn: http://pure.au.dk/portal/files/55130421/life_history_interviews.pdf).

không được nghe ông U. kể thì lớp người trẻ sau này khó biết tên của các hòn đảo lớn nhỏ ở vùng biển nơi đây:

Gia đình tôi ở đây lâu lắm rồi, thời ông cố. Mười sáu tuổi tôi đã đi theo ông nội và cha khắp nơi trong vùng, bây giờ tôi già rồi nhắm mắt vẫn thuộc lòng từng hòn đảo lớn, nhỏ, bển bãi của vùng biển này. Nó quây gọn một vòng, trước tiên gặp Bãi Kinh, thứ hai đi thêm là Bãi Nước Ngọt, thứ ba là Cà Tân, thứ tư là Bãi Cồn, thứ năm là Bãi Nạn, thứ sáu là Bãi Hời, hay người ta cũng kêu là Mũi Hời, chỗ đó có móm đá nhô ra, rồi tới thứ bảy là Hòn Mũ, thứ tám là Hòn Trứng, chỗ này là đảo Bình Hưng. Xưa vùng này là rừng thiêng, tức rừng cấm, nhiều thú rừng như hổ, con man, heo rừng, khỉ... Vách nhà ngày xưa làm bằng vật liệu san hô nung ra vôi, trộn với nhựa giầy tơ hồng với mật đường mía và cát biển. (TTV: Ô. U, 62 tuổi, đảo Bình Ba, Khánh Hòa, 2015)

Trong nghiên cứu theo 3 phương pháp nêu trên trước khi phân tích, nhà nghiên cứu cần vận dụng *hiện tượng học* (phenomenological research), có nghĩa là sự nghiên cứu gần như khách quan, càng ít bình luận và đánh giá càng tốt (Fiona Bowie, 2001) [2]. *Nghiên cứu hiện tượng học* tức là mô tả, ghi nhận ý nghĩa của các trải nghiệm qua một *hiện tượng* của cá nhân hay cộng đồng, ví dụ nỗi đau buồn, qua đó người ta có thể nắm bắt bản chất thực của sự việc (Nguồn: Van Manen, 1990) [5]. Chúng tôi muốn đưa vào hộp 7 lời tự thuật của một nhà sư thường đi “rước vong” qua nghi thức “Nghinh Bà Thủy” để cầu siêu thoát cho những ngư dân mất tích trên vùng biển lạnh vắng, đó như là những ký ức đau buồn của cả một cộng đồng cư dân địa phương:

Ở đây khi làm trai đàn sư có đi gõ chuông, mà cầu siêu cho những cô hồn ở ngoài biển. Đi cái đó người ta gọi là đi cứu vớt cho những oan hồn uống tử chết dưới biển. Gọi là Nghinh Bà Thủy để xin oan hồn uống tử bả giam đã chết dưới biển, dưới nước đó. Chiều lại sư nhớ có một cái nghi nữa, gọi là chiêu u, là thỉnh những vong hồn uống tử lên bờ. Nghi lễ chiêu u, chiêu là thu thập lại những oan hồn ở trên bờ. Cũng mấy ông kinh sư lên làm, rồi tới lại cũng tụng kinh, để giàn thí thực cho những cô hồn các đảng lên ăn. Chiêu u làm trên bờ, còn Nghinh Bà Thủy ở dưới nước, làm cái lễ đó có trống có kèn người ta đi biển ban đêm chết dưới biển nhiều, cho nên phải làm Nghinh Bà

Thủy. Đi ra đó 1, 2 tiếng đồng hồ thỉnh về. Khi đi ra biển chỉ có một cái ghe cho sư với Phật tử mình lên, còn người dân ai muốn đi theo thì dùng ghe của họ, sư nhớ có lần họ đi theo trên chiếc đò lớn, nhất là những người có con chết dưới biển người ta đi theo để cầu nguyện. Nhất là sau đợt bão. Họ dâng ký, nhờ các sư đọc tên con họ lên giùm, sư đọc tên con cái họ để cầu siêu, đọc kinh cho siêu thoát. Sư nhớ thân nhân đi ghe ra biển họ khóc con họ chết. Các sư múc bình nước biển đem về chùa làm lễ, những người chết ở biển nghe thấy. Bình nước mình đem về chùa các sư để cúng chỗ giàn đó? Cúng chỗ giàn, cúng xong mình đem ra biển đổ nước đó lại. (TTV: Sư TTT, Bình Đại, Bến Tre, 2010)

Trong phần nghiên cứu lý thuyết, Phạm Văn Quang đề cập đến các nhà khoa học đã xem “*Nguồn truyện kể trực tiếp như một nghệ thuật phỏng đoán xã hội*” [10, tr. 22]. Điểm mới trong công trình này là các tác giả đã sử dụng khái niệm *tiểu sử dân tộc học* (ethnobiographie)⁹[10, tr. 22-23]. Theo đó, *tiểu sử dân tộc học* ít nghiên cứu theo cá nhân mà thường hướng đến những mô hình văn hóa của nhóm. Như vậy đối với các tác giả này, “*Dòng chảy cuộc đời* không phải là một sản phẩm hoàn chỉnh như nó vẫn thường được hiểu, mà chỉ như một *sản phẩm thô*. Việc đối chiếu phân tích giữa các *dòng chảy cuộc đời* giao nhau, sẽ cho phép xác định tính khả thi của thông tin thu thập được” [10, tr. 22].

Như vậy *lịch sử cuộc đời* là cách tốt nhất để nắm được các câu chuyện nhiều chi tiết, hoặc các trải nghiệm của một cuộc đời (hoặc nhiều cuộc đời khác nhau) ở nhóm nhỏ các cá nhân. Dưới góc độ nhân học và các ngành khoa học xã hội khác, nếu không áp dụng các phương pháp *nghiên cứu lời kể* (narrative research), *lịch sử lời kể* (oral history), *lịch sử cuộc đời* (life history) thì làm sao có được thông tin thuộc những thời kỳ trước, của nhiều thế hệ trước:

Tôi ra khơi dựa vào núi Bình Tuy hay núi Tà Cú. Cái núi là chính, nó có cái hay lắm, như mình ra càng xa thì núi nó càng thấp lại. Để làm gì hả? Để mình biết mình ra xa bao nhiêu, rồi thông thường mấy ông sẽ cộng với thời gian mấy ông chạy, mình chạy một tiếng đồng hồ được 10 km, thì 4 tiếng mình chạy được bao nhiêu cây số vậy đó, mấy ông tự tính với nhau

⁹ Phạm Văn Quang, 2015, tr. 22-23 (Tài liệu gốc: Jean Poirier, Simon Clapier- Valladon và Paul Raybaut, 1983, 1984)

hết, khoảng 4 – 5 hải lý. Tôi nhớ khi mình thấy xuống thì hề đất cứng thì nó kêu kịt kịt, hề đất lún thì kéo lên có sinh, còn cái vùng đất mà nó giữa bùn với cát thì nó hơi lún thoi. Tôi còn nhớ ở chỗ đất cứng thì có cá đồng, cá đục, cá bò, đất mà vừa bùn vừa cát thì ở đó nó có mực nang, mực ống, những loại cá cảm, cá bói, cá măng tức cá nhòng, cá đò mắt mà miền Tây gọi là cá mắt kiếng, miền Trung gọi là cá bả trầu. Tôi nhớ cá xương xanh chủ yếu nó bơi trên mặt nước, phải lượ lưới nổi mới có, còn kêu là cá kìm, cá kìm sản lượng không nhiều, người ta ít ăn vì nghe nói nó có chất thủy ngân nhiều như là con cá ngừ á, thủy ngân trong máu trong thịt của nó. Nếu đất bùn không thì chủ yếu có cá đù, cá măng, cá chim giang, tôm.... Tôi còn nhớ chỗ đất cứng pha mềm thường có nhiều loại ghe, nghêu, sò, ốc, hến, ốc vàng, ốc gai, ốc vằn...đủ loại đều có, nhưng chỉ để ăn chơi. Có loại ốc kèn hiện nay bán cho Trung Quốc rất cao giá. Tôi nghe nói nó có vị thuốc trong đó, ba cái thuốc cường dương bổ tạng gì đó, ai biết đâu. Ngoài ra ở đất bùn chỗ này còn có con cá ngựa để ngâm rượu thuốc. Tôi nhớ thời mình còn trẻ vùng này cá đuối rất nhiều, đi câu kiều lên quá nhiều cá đuối, bây giờ có người hỏi sao hồng thấy câu kiều, loại giàn câu cá trắm móc câu nhưng không cần mồi thì tôi trả lời cá đuối đâu còn nữa mà còn câu kiều, còn cá đuối gì nữa đâu mà câu, cá đuối bây giờ cũng tuyệt chủng, ngày xưa cá đó là tụi tôi bỏ, chê, hồng thêm ăn, còn bây giờ thì hàng đó đi nhậu coi bộ hơi bị hiếm. Nghề tôi làm lâu nhất là mực khô và con mực, ở đây chỉ là mực, mực nang, mực tuộc, mực ống. Mực ống phơi khô ở ngoài biển luôn, rồi đem vô bán. (TTV: Ô. NVR, 62 tuổi, TX La Gi, Bình Thuận, 2016)

Giữa 3 phương pháp nghiên cứu lời kể (narrative research), lịch sử qua lời kể (oral history) và lịch sử cuộc đời (life history) đều có sự tương đồng về cách thức tiến hành, cách thức khảo sát, thu thập, phân tích và xử lý thông tin... Mục đích chính của 3 phương pháp này đều là “nghiên cứu qua phỏng vấn, qua lời kể”, do đó tuy dưới 3 tên khác nhau nhưng nhìn chung cả 3 phương pháp đều quan tâm về một thời kỳ dài, về một dòng thời gian (Nguyễn Đức Lộc, 2013), về một dòng chảy cuộc đời (Phạm Văn Quang, 2015)...

4 KẾT LUẬN

Từ những câu chuyện kể còn thỏ, mộc của ngư dân vùng biển, người nghiên cứu có thể giữ nguyên nội dung hoặc “cắt dán”, kết gắn nó theo không gian và thời gian đương đại, từ những ký ức xa xưa, mờ nhạt cho đến cuộc sống hiện tại với bao đổi thay...trên nguyên tắc “không thêm, bớt” hay thay đổi từ ngữ. Ngành nhân học, folklore học, xã hội học, văn học, sử học...đều có thể xếp các cuộc thoại trong nghiên cứu lời kể (narrative research), lịch sử qua lời kể (oral history), lịch sử cuộc đời (life history) như những nguồn dữ liệu để nghiên cứu. Theo Lương Văn Hy, “lịch sử cuộc đời (life history) hay câu chuyện kể về cuộc đời (life story/ life narrative) và bài học là cần phối kiểm thông tin rất cẩn thận từ nhiều nguồn khác nhau (triangulation)” [7]. Dù sao, nếu không nhanh chóng “chất lọc” những mẫu “chuyện đời” liên quan đến những bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội... thì những thông tin viên lớn tuổi sẽ ra đi, nhiều thông tin xưa cũ, quý hiếm sẽ bị chôn vùi trong quên lãng, điều đó sẽ là những mất mát không gì bù đắp được. Song để cho những thông tin này có được giá trị khoa học, trở thành những thông tin có ích cho việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa của cộng đồng, của các dân tộc... cần đòi hỏi người nghiên cứu sự kiểm chứng, tra cứu, khảo sát, so sánh đối chiếu, phân tích các dữ liệu, các cuộc phỏng vấn, các câu chuyện hồi ức... dưới góc độ khoa học chứ không phải dễ dàng chấp nhận tất cả thông tin ngay từ ban đầu. Đây là một thách thức không nhỏ cho người nghiên cứu. Nhưng bù lại, thông tin thu thập được sau khi được “làm sạch dữ liệu” sẽ có ý nghĩa không hề nhỏ trong khía cạnh khoa học lẫn thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] A. Nishimura, *A preliminary report on current trends in marine anthropology*, The Center of Marine Ethnology, Waseda University, Tokyo.
- [2] F. Bowie, 2001, *The Anthropology of Religion*, Blackwell.
- [3] H. K. Adriansen, Phó giáo sư Sử Học, Trường Giáo dục Đan Mạch, Đại học Aarhus (Tuborgvej 164 DK-2400 Copenhagen, Demark), *Các cuộc phỏng vấn của vòng đời - về việc sử dụng một dòng thời gian*. Nguồn: http://pure.au.dk/portal/files/55130421/life_history_interviews.pdf
- [4] H. Russel Bernard, *Chương 5: Chọn các vấn đề nghiên cứu, địa bàn và phương pháp*, Các phương pháp nghiên cứu trong Nhân học- Tiếp cận định tính và định lượng, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, tr. 105- 120, 2007.
- [5] John W. Creswell, 2007, *Qualitative Inquiry& Research Design: Choosing among five approaches*, Thousand Oaks, CA.

- [6] K. Bird, Overseas Development Institute, Life History Research Methodology, Reflections on using life history approaches. Nguồn: http://www.chronicpoverty.org/uploads/publication_files/3.2_Using_life_history_research_-_overcoming_the_challenges.pdf.
- [7] Lương Văn Hy (GS TS ĐH Toronto, Canada), 2015, *Thiết kế và phương pháp nghiên cứu trong Nhân học văn hóa xã hội*, Bài giảng cho lớp Cao học và NCS Khoa Nhân học, Trường ĐH KHXH&NV(ĐHQG-HCM)
- [8] Nguyễn Đức Lộc (CB), Lê Thị Mỹ Dung, Bùi Trần Ca Dao, 2013, *Giáo trình Phương pháp tu thập và xử lý thông tin định tính*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [9] Mary Byrne McDonnell (ASSC), Using Oral history interview, Bài giảng cho Khóa đào tạo “Applying Social Science Concepts and Method to the Study of the Effects of Economic Change on Vietnamese Society” tại Viện Khoa học xã hội TP.HCM, do Hội đồng nghiên cứu khoa học xã hội New York (Hoa Kỳ) tài trợ, năm 1996
- [10] Phạm Văn Quang, 2015, *Xã hội học thi pháp- Dòng chảy cuộc đời*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

Phan Thị Yến Tuyết được phong học hàm Phó giáo sư ngành Dân tộc học vào năm 2006. Bà đạt học vị Tiến sĩ chuyên ngành Dân tộc học (Trung tâm đào tạo Viện Khoa học Xã hội tại TP. Hồ Chí Minh) năm 1992, Cử nhân ngành Dân tộc học (Trường Đại học Tổng hợp TP.HCM) năm 1983. Bà là giảng viên chính Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Hướng nghiên cứu của bà tập trung vào các lĩnh vực văn hóa tộc người, tín ngưỡng và tôn giáo, Nhân học biển và văn hóa biển.

Maritime anthropological studies in island and coastal areas in Southern Central and Southern Vietnam from narrative, oral History and life history approach

Phan Thi Yen Tuyet

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM, Viet Nam

Corresponding author: pytuyet@yahoo.com

Received: 22-5-2017; Accepted: 11-10-2017; Published: 31-12-2017

Abstract—This paper explores conversations of fishermen and residents in island and coastal areas in southern Central and Southern Vietnam within the framework of maritime anthropology. The conversations are presented in the forms of narratives, storytellings and memories from three different approaches: narrative, oral history and life history. Delayed in anthropology, history, literature, folklore and other disciplines, these approaches share one common character – interviewing as the means of data collection. Only through interviewing, a researcher is able to engage his/her subjects into the process of commemorating their lived experience, both individually and collectively. From fragmented

memories and stories about the past to vivid representation of contemporary social reality of the people in island and coastal areas, the researcher then needs to “combine” them spatially and temporally to reconstruct a comprehensive narrative. If we fail to do that, these precious narratives would eventually vanish. To embed these narratives into the scientific stream of social life, we need to double-check, investigate, study and analyze them from multi-disciplinary perspectives. This is a real challenge to researchers; however, the information we achieve after “cleaning up data” is remarkably meaningful both scientifically and pragmatically.

Index Terms— narrative research, oral history, life history, maritime anthropology, island and coastal areas, southern Central and Southern Vietnam.